Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8504.90.90

Mã HS	8504.90.90
Mô tả hàng hóa	Máy biến điện (máy biến áp và máy biến dòng), máy biến đổi điện tĩnh (ví dụ, bộ chỉnh lưu) và cuộn cảm / - Bộ phận: / - - Loại khác
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	08/11/2026 03:48:18
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/85049090/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K15060
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N15060
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q15060
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0 (-KH)	0% (trừ KH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E14356
ATIGA	2022	2022	0	AT!E14297
ATIGA	2023	2023	0	AT!F14297
ATIGA	2024	2024	0	AT!G14297
ATIGA	2025	2025	0	AT!H14297
ATIGA	2026	2026	0	AT!I14297
ATIGA	2027	2027	0	AT!J14297
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E14351
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F14351

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G14351
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H14351
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I14351
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J14351
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E14352
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F14352
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G14352
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H14352
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I14352
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J14352
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F14355
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H14303
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F14311
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G14311
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H14311
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I14311
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J14311
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K14311
VKFTA	2022	2022	0	VK!E14342
VKFTA	2023	2023	0	VK!F14342
VKFTA	2024	2024	0	VK!G14342
VKFTA	2025	2025	0	VK!H14342
VKFTA	2026	2026	0	VK!I14342
VKFTA	2027	2027	0	VK!J14342
VCFTA	2022	2022	0	VC!D14397
VCFTA	2023	2023	0	VC!E14397

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F14397
VCFTA	2025	2025	0	VC!G14397
VCFTA	2026	2026	0	VC!H14397
VCFTA	2027	2027	0	VC!I14397
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D14374
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E14374
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F14374
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G14374
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H14374
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I14374
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D14374
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E14374
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F14374
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G14374
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H14374
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I14374
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D14389
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E14389
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F14389
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G14389
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H14389
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I14389
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D14388
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E14388
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F14388
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G14388

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H14388
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I14388
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D14381
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E14381
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F14381
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G14381
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H14381
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I14381
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J14381
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D14376
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E14376
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F14376
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G14376
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H14376
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I14376
RCEP B	2022	2022	0	B!D14376
RCEP B	2023	2023	0	B!E14376
RCEP B	2024	2024	0	B!F14376
RCEP B	2025	2025	0	B!G14376
RCEP B	2026	2026	0	B!H14376
RCEP B	2027	2027	0	B!I14376
RCEP C	2022	2022	0	C!D14376
RCEP C	2023	2023	0	C!E14376
RCEP C	2024	2024	0	C!F14376
RCEP C	2025	2025	0	C!G14376
RCEP C	2026	2026	0	C!H14376

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I14376
RCEP D	2022	2022	0	D!D14375
RCEP D	2023	2023	0	D!E14375
RCEP D	2024	2024	0	D!F14375
RCEP D	2025	2025	0	D!G14375
RCEP D	2026	2026	0	D!H14375
RCEP D	2027	2027	0	D!I14375
RCEP E	2022	2022	0	E!D14379
RCEP E	2023	2023	0	E!E14379
RCEP E	2024	2024	0	E!F14379
RCEP E	2025	2025	0	E!G14379
RCEP E	2026	2026	0	E!H14379
RCEP E	2027	2027	0	E!I14379
RCEP F	2022	2022	0	F!D14376
RCEP F	2023	2023	0	F!E14376
RCEP F	2024	2024	0	F!F14376
RCEP F	2025	2025	0	F!G14376
RCEP F	2026	2026	0	F!H14376
RCEP F	2027	2027	0	F!I14376
VIFTA	2024	2024	0	VI!F13374
VIFTA	2025	2025	0	VI!G13374
VIFTA	2026	2026	0	VI!H13374
VIFTA	2027	2027	0	VI!I13374

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8504.90 có 7 dòng thuế; dòng 8504.90.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	8504.90.10 Của hàng hóa thuộc phân nhóm 8504.10; 8504.90.20 Mạch in đã lắp ráp dùng cho hàng hóa thuộc phân nhóm 8504.40.11, 8504.40.19 hoặc 8504.50.10; 8504.90.31 Tấm, cụm tấm tản nhiệt; ống tản nhiệt đã lắp ráp thành dạng tấm phẳng, cụm tấm dùng cho biến áp phân phối và biến áp nguồn; 8504.90.39 Loại khác; 8504.90.41 Tấm, cụm tấm tản nhiệt; ống tản nhiệt đã lắp ráp thành dạng tấm phẳng, cụm tấm dùng cho biến áp phân phối và biến áp nguồn; 8504.90.49 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8504.90.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8504.90.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N15060), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.